

kinh phí cho phép chi thường cân đối với các khoản chi khác.

Việc ra quyết định chi thường phải đảm bảo công khai, dân chủ, công bằng, tiết kiệm, hiệu quả, tránh tiêu cực và có tác dụng khuyến khích công tác chống hàng giả.

Thủ trưởng đơn vị tự chịu trách nhiệm trước cấp trên và trước pháp luật về quyết định của mình.

3.7. Nộp lên cơ quan cấp trên ở Trung ương để chỉ đạo công tác chống hàng giả trong toàn ngành và tổ chức phối hợp các lực lượng liên ngành tham gia công tác chống hàng giả.

Khoản nộp này tối đa không quá 10% tổng nguồn thu từ hoạt động chống hàng giả, Bộ Tài chính ủy quyền cho Thủ trưởng các lực lượng tham gia chống hàng giả cân nhắc quyết định cụ thể cho phù hợp.

Việc chi tiêu từ nguồn trích này được thực hiện theo hướng dẫn trên và chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước.

4. Hạch toán, kế toán và quyết toán.

Các đơn vị tham gia chống hàng giả phải mở sổ sách kế toán để theo dõi nguồn thu và nộp kinh phí chống hàng giả, theo dõi việc tiếp nhận, sử dụng và quyết toán kinh phí chống hàng giả; lập báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định về quản lý tài chính, kế toán hiện hành.

Các đơn vị Kho bạc Nhà nước các cấp thực hiện hạch toán thu nộp, thu hộ và chi trả các khoản kinh phí chống hàng giả theo đúng Mục lục Ngân sách nhà nước và chế độ tài chính, kế toán hiện hành.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Những vụ việc tàng trữ, vận chuyển, buôn bán và sản xuất hàng giả đã phát

hiện, bắt giữ nhưng chưa xử lý tính đến ngày có hiệu lực của Thông tư này thì giải quyết theo quy định tại Thông tư này.

2. Các cơ quan nhà nước được cấp và sử dụng nguồn kinh phí chống hàng giả không được thanh toán các khoản chi phí và tiền bồi dưỡng quy định tại Thông tư số 52/TC-CSTC ngày 12/9/1996 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thu và sử dụng tiền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các ngành, các cấp kịp thời báo cáo về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

TRẦN VĂN TÁ

QUYẾT ĐỊNH số 144/2000/QĐ-BTC
ngày 15/9/2000 về việc sửa đổi, bổ sung một số mức thu tại Quyết định số 21/2000/QĐ-BTC ngày 21/2/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về phí, lệ phí y tế dự phòng.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/1/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước;

Sau khi thống nhất với Bộ Y tế (Công văn số 5113/YT-DP ngày 18/7/2000),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu mức thu sửa đổi, bổ sung một số mức thu về phí y tế dự phòng của Biểu mức thu kèm theo Quyết định số 21/2000/QĐ-BTC ngày 21/2/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành

sau 15 ngày kể từ ngày ký; các quy định khác không được sửa đổi vẫn thực hiện theo quy định tại Quyết định số 21/2000/QĐ-BTC ngày 21/2/2000 của Bộ Tài chính.

Điều 3. Các cơ sở y tế dự phòng, các đối tượng nộp phí, lệ phí y tế dự phòng và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

VŨ VĂN NINH

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ Y TẾ DỰ PHÒNG BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 21/2000/QĐ-BTC NGÀY 21/2/2000 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

(ban hành kèm theo Quyết định số 144/2000/QĐ-BTC ngày 15/9/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Số thứ tự	Loại kiểm dịch	Đơn vị tính	Mức thu sửa đổi, bổ sung (mới)
A	III. Kiểm dịch y tế biên giới: Diệt chuột và diệt côn trùng: <i>Diệt chuột</i>		
2	Diệt chuột bằng đặt mồi bẫy: - Tàu trọng tải tịnh dưới 1000 tấn, được sửa thành: Tàu trọng tải dưới 1000 GRT. - Tàu trọng tải tịnh từ 1000 tấn trở lên, được sửa thành: Tàu trọng tải từ 1000 GRT trở lên.	USD/tàu	100
	<i>Diệt côn trùng</i>	USD/tàu	200
6	Ô tô	Đồng/xe	50.000
7	Tàu hỏa	Đồng/toa	100.000
12	Khử trùng nước dẫn tàu - Tàu trọng tải dưới 1000 tấn, được sửa thành: Tàu đang chứa nước dẫn tàu dưới 1000 tấn - Tàu trọng tải từ 1000 tấn trở lên, được sửa thành: Tàu đang chứa nước dẫn tàu từ 1000 tấn trở lên	USD/tàu	30
		USD/tàu	50
C	Xác chết và tro cốt:		
16	Kiểm tra và cấp giấy phép chuyển tro cốt	USD/1 tro cốt	5
G	Kiểm dịch y tế phương tiện xuất, nhập cảnh được sửa thành Kiểm tra y tế phương tiện xuất, nhập cảnh		
31	Tàu biển - Bãi bỏ mức thu đối với tàu trọng tải dưới 5000 tấn		

	- Tàu trọng tải từ 5000 tấn - 10.000 tấn được sửa thành: Tàu trọng tải dưới 10.000 GRT	USD/tàu	30
	- Tàu trọng tải từ 10.000 tấn trở lên, được sửa thành: Tàu trọng tải từ 10.000 GRT trở lên	USD/tàu	40
33	Tàu hỏa		
	- Kiểm tra y tế và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế	Đồng/toa chở hàng	30.000
	- Khử trùng (bổ sung)	Đồng/toa	60.000
H	Kiểm dịch y tế biên giới đường bộ:		
37	Kiểm dịch xe ô tô chở hàng, được sửa thành Kiểm tra y tế xe ô tô chở hàng.		
38	Kiểm tra y tế hàng trên xe:		
	- Dưới 5 tấn	Đồng/xe	20.000
	- Từ 5 tấn đến 10 tấn	Đồng/xe	30.000
	- Trên 10 tấn đến 15 tấn	Đồng/xe	40.000
	- Trên 15 tấn	Đồng/xe	50.000
	VI. Chích ngừa:		
11	Tiêm chủng vắc xin sốt vàng, cứ 1 lần thứ + 1 lần tiêm tính bằng 1 lần (bổ sung)	Đồng/lần	10.000

Ghi chú:

1. Số thứ tự ghi trong Biểu mức thu trên đây ghi theo số thứ tự của Biểu mức thu ban hành tại Quyết định số 21/2000/QĐ-BTC ngày 21/2/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Mức thu tiêm chủng sốt vàng trên đây không bao gồm tiền vắc xin.

QUYẾT ĐỊNH số 146/2000/QĐ-BTC
ngày 18/9/2000 về việc ban hành
mức thu lệ phí cấp phiếu lý lịch
tư pháp.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/1/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước;

Sau khi có ý kiến của Bộ Tư pháp (Công văn số 1233/TP-LLTP ngày 21 tháng 7 năm 2000) và theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công dân Việt Nam, người nước ngoài khi nộp đơn và được cơ quan quản lý nhà nước